

Giới thiệu qua lý niệm về mã HSC.

Phụ lục 18/Appendix 18

BÁO CÁO VỀ SỞ HỮU CỦA NHÓM NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI CÓ LIÊN QUAN LÀ CỐ ĐỒNG LỚN/ NHÀ ĐẦU TƯ LỚN*

OWNERSHIP REPORT OF GROUP OF RELATED FOREIGN SHAREHOLDERS/ INVESTORS AS A MAJOR INVESTOR

(Bản hành kèm theo Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 08 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam)

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH

ĐẾN Số: 25653
 Ngày: 27/6/18
 Chuyển: MS, ASN
 Lưu hồ sơ số:

- Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
 Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
 Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
- To: The State Securities Commission
 The Ho Chi Minh Stock Exchange
 Hoa Sen Group

1. Chúng tôi là:
 We are:

Tên của tổ chức, họ và tên cá nhân Name of organization/ individual	Số giấy NSH* COI No.*	Địa chỉ trụ sở chính (địa chỉ liên lạc)/tel/fax/email Head office address (Permanent address)/tel/ fax/ email
1- Trường hợp tổ chức được chỉ định (Tên Công ty A/ Quỹ A, họ và tên đại diện theo pháp luật/ đại diện có thẩm quyền, số giấy NSH, địa chỉ trụ sở chính)/ In case appointed party is an organization (Name of Company A/ Fund A and name of legal representative/ authorized representative, No of Owner's Certificate, Head office address)		
a) Tên tổ chức/ Name of organization: <u>Tundra Fonder AB</u>		
b) Họ và tên đại diện theo pháp luật/ Danh sách các đại diện có thẩm quyền/ Name of legal representative/ list of authorized individuals: <u>Jon Scheiber</u>		
2- Trường hợp cá nhân được ủy quyền (họ và tên, số giấy NSH, địa chỉ liên lạc): In case, appointed party is an Individual (Full name, COI No., Permanent address)		

* Nhà đầu tư lớn là nhà đầu tư sở hữu từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ đóng/ Major investor is the investor who owns more than 5% units of the close fund

Ghi chú NSH*: Đối với cá nhân: Hộ chiếu còn hiệu lực/chứng thực cá nhân hợp pháp khác; Đối với tổ chức: Giấy phép thành lập và hoạt động/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy phép lý tương đương.

Nội dung COI*: For an individual investor: valid Passport/social security No; for organizational investor: Certificate of Incorporation/Certificate of Business Registration No or equivalent legal document.

2. Đại diện được chỉ định/ủy quyền thực hiện nghĩa vụ báo cáo sở hữu và công bố thông tin của nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sau: Appointed/authorized party to report on ownership and disclose information on behalf of related foreign investors as follow:

STT/No	Tên nhà đầu tư nước ngoài có liên quan/Name of foreign investor	MSGD của nhà đầu tư/ Securities trading code of the investor	Tên đại diện giao dịch (nếu có)/Name of trading representative (if any)
1	Tundra Vietnam Fund		n/a
2	Tundra Sustainable Frontier Opportunities Fund		n/a

3. Tên cổ phiếu/chứng chỉ quỹ đóng /mã chứng khoán sở hữu là đối tượng báo cáo: HSG
Name of securities/ fund certificates/ securities code of reported object: HSG.

4. Ngày giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của cả nhóm NĐTNN có liên quan trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn/nhà đầu tư lớn/Trading date observed changes in ownership/rate of group of related foreign investors that made the group a major/minor investor: 05 June 2018

5. Thông tin chi tiết về tình hình giao dịch chứng khoán của các thành viên dẫn tới cả nhóm NĐTNN có liên quan trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn/nhà đầu tư lớn/Detail on trades of members that made the group became a major/minor investor:

TT/N o	Tên nhà đầu tư nước ngoài có liên quan thực hiện giao dịch/Name of related foreign investors executing trade	Tài khoản giao dịch chứng khoán/ Trading account No	Tài khoản lưu ký chứng khoán/ Securities deposit account No	Trước giao dịch/Before trade		Sau giao dịch/After trade		Số lượng: Đã giao dịch (Mua/bán)
				Số lượng sở hữu/Size of ownership	Tỷ lệ sở hữu/Rate of ownership	Số lượng sở hữu/Size of ownership	Tỷ lệ sở hữu/Rate of ownership	
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8) = (6) - (4)
1	Tundra Vietnam Fund	DBHFC A7008	1020890-4000	12,244,906	3.49%	10,894,406	3.11%	1,350,000
2	Tundra Sustainable Frontier Opportunities Fund	DBHFC A6209	1020353-4000	5,900,000	1.68%	5,800,000	1.68%	0
Tổng cả nhóm NĐT nước ngoài có liên quan/Total group of related foreign investors				18,144,906	5.18%	16,794,406	4.79%	1,350,000

Ghi chú/Notes:



- Báo cáo được thực hiện khi giao dịch của thành viên trong nhóm làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của cả nhóm trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn/nhà đầu tư lớn; The report is conducted when group member(s) make(s) change to the group's rate of ownership and make(s) the group major/minor investor

- Báo cáo liệt kê chi tiết tình trạng sở hữu của tất cả các thành viên trong nhóm, kể cả các thành viên không thực hiện giao dịch/The report list group member's rate of ownership, including members who do not trade;

- Tài khoản lưu ký chứng khoán: là tài khoản lưu ký của nhà đầu tư mở tại ngân hàng lưu ký (nếu có). Hoặc là tài khoản giao dịch chứng khoán/Securities deposit account is the investor's account opened at custody bank (if any) or securities trading account.

Đ. Ngày trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn/nhà đầu tư lớn/ Date of becoming major shareholder/investor: 05/06/2018

Chúng tôi xin cam đoan những thông tin nêu trên hoàn toàn đúng.

We hereby certify that the information contained herein and in the attachment is true, complete and accurate.

Chữ ký xác nhận của tổ chức được chỉ định/cá nhân được ủy quyền báo cáo sở hữu/công bố thông tin/ Signature of appointed organization/ Individual authorized to report on ownership and disclose information

- Trường hợp là cá nhân/For individual:

Họ và Tên, chữ ký của cá nhân được ủy quyền: /Full name, signature of authorized individual. _____

- Trường hợp là tổ chức/ For organization:

Tên Tổ chức được chỉ định/Name of appointed Organization: Tundra Fonder AB

Họ và Tên, chữ ký của các đại diện có thẩm quyền, và đóng dấu (nếu có con dấu)
(Signature, full name of authorized representative and seal -- if any)

X


TUNDRA FONDER
EST: 2011
Comp Reg No: S37134-2017 S Medistr FSA No: 024194

Tên/Name: Jon Scheiber

Chức danh/Title: CEO/Partner

Ngày thực hiện/Report date: June 05, 2018

